

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GT  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 26-4-2022  
V/v: Xin ly hôn, giải quyết việc  
nuôi dưỡng con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GT**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Phước Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hoài Lượm

2. Ông Phạm Quang Nhớ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện GT.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện GT: Ông Khương Hoài Thương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện GT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 47/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 về việc “*Xin ly hôn, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 10/02/1997

Địa chỉ: ấp M, xã Vĩnh P, huyện GT, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

***Bị đơn:*** Anh Danh Hoàng H, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp M, xã Vĩnh P, huyện GT, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:*

Chị T và anh Danh Hoàng H chung sống với nhau vào năm 2015, đến năm 2017 vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh P, huyện GT, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi sinh con gia đình gặp khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, không ai quan tâm ai. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Hiện vợ chồng đã không chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 1 con chung cháu tên Danh M, sinh ngày 04/01/2016, giới tính nữ hiện đang sống với chị T.

Trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản gì và cũng không nợ ai.

Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với chồng là Danh Hoàng H.

Về con chung: Xin được nuôi cháu Danh M, sinh ngày 04/01/2016, giới tính nữ đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu anh H cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Danh Hoàng H đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GT phát biểu cho rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như qua theo dõi diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định quan hệ tranh chấp, đưa người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Cẩm T ly hôn với anh Danh Hoàng H.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung là cháu Danh M, sinh ngày 04/01/2016, giới tính nữ cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên không giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không giải quyết.

Án phí: Nguyên đơn chị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Danh Hoàng H và yêu cầu được quyền nuôi con chung đây là vụ án “*Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Anh Danh Hoàng H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp M, xã Vĩnh P, huyện GT, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện GT theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Anh Danh Hoàng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng với tư cách bị đơn nhưng anh H vắng mặt không có lý do. HĐXX đã hoãn phiên tòa sơ thẩm một lần vào ngày 31/3/2022. Do đó, có căn cứ để HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Danh Hoàng H chung sống với nhau vào năm 2015, đến năm 2017 đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh P, huyện GT, tỉnh Kiên Giang theo quy định pháp luật và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 10/4/2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Anh, chị chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh, chị xung đột tính cách, thường xuyên cãi vã, có khó khăn về kinh tế sau khi chị T sinh con nhỏ, không ai quan tâm đến ai nên chị T và anh H đã không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H đến Tòa để động viên, hòa giải nhưng anh H vắng mặt không có lý do điều này cho thấy anh H không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ cùng vợ anh. Do đó HĐXX thấy mâu thuẫn của anh, chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T xin ly hôn với anh H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung:

Chị T và anh H có một con chung tên Danh M, sinh ngày 04/01/2016, giới tính nữ hiện cháu đang sống với chị T. Chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. HĐXX thấy rằng,

anh H và chị T không chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay, cháu M trực tiếp sống với chị T từ 2018 do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu M HĐXX quyết định giao cháu M cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình 2014.

- Căn cứ Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T về việc xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với bị đơn anh Danh Hoàng H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Danh Hoàng H.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Danh M, sinh ngày 04/01/2016, giới tính nữ cho chị T nuôi dưỡng đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được đảm bảo thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xét, do đương sự nên không yêu cầu giải quyết

2. Về án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002529 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT, tỉnh Kiên Giang. (chị T đã nộp xong).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/4/2022); Bị đơn anh Danh Hoàng H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện GT;
- CC THA DS huyện GT;
- UBND xã Vĩnh P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lâm Phước Lộc**